Tưới tiêu và công trình thủy lợi Việt Nam

vn.nong-nghiep-thuc-pham.thuy-loi.irrigation-systems

Version 2026.10.07 · Cập nhật 2026-10-07 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

HỒ, ĐẬP HIỆN CÓ

6883

công trình

Cả nước; kỳ số liệu không công bố

TRẠM BƠM HIỆN CÓ

18564

trạm

Cả nước; kỳ số liệu không công bố

DIỆN TÍCH TƯỚI LÚA

6701242

ha

Cả nước; hàng năm, năm tham chiếu không côn...

DỮ LIỆU

Số hồ, đập hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	6883 công trình
Dung tích hồ, đập hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	14589 triệu m³
Số trạm bơm hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	18564 trạm
Số cống hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	21297 cống
Chiều dài kênh mương hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	261016 km
Chiều dài bờ bao hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	80795 km
Chiều dài đường ống hiện có Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Cả nước	3371 km
Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước	6701242 ha
Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước	1065460 ha
Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước	599956 ha

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 951897 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 4665362 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 764845 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 512878 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 459896 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Cả nước

Số hồ, đập hiện có — 2256 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Số hồ, đập hiện có — 307 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Số hồ, đập hiện có — 2324 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Số hồ, đập hiện có — 553 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Số hồ, đập hiện có — 1246 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Số hồ, đập hiện có — 187 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Số hồ, đập hiện có — 10 công trình
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Dung tích hồ, đập hiện có — 1865 triệu m^3
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Dung tích hồ, đập hiện có — 359.57 triệu m^3
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Dung tích hồ, đập hiện có — 6064 triệu m^3
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Dung tích hồ, đập hiện có — 2480 triệu m³
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Dung tích hồ, đập hiện có — 1683 triệu m³
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Dung tích hồ, đập hiện có — 2132 triệu m³
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Dung tích hồ, đập hiện có — 6.83 triệu m³
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Số trạm bơm hiện có — 2007 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Số trạm bơm hiện có — 7440 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Số trạm bơm hiện có — 2465 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Số trạm bơm hiện có — 911 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Số trạm bơm hiện có — 165 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Số trạm bơm hiện có — 76 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Số trạm bơm hiện có — 5500 trạm
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Số cống hiện có — 5002 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Số cống hiện có — 3124 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Số cống hiện có — 7204 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Số cống hiện có — 1735 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Số cống hiện có — 3069 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Số cống hiện có — 993 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Số cống hiện có — 170 cống
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Chiều dài kênh mương hiện có — 55838 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Chiều dài kênh mương hiện có — 55523 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Chiều dài kênh mương hiện có — 35834 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Chiều dài kênh mương hiện có — 22251 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Chiều dài kênh mương hiện có — 5867 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Chiều dài kênh mương hiện có — 5782 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Chiều dài kênh mương hiện có — 79919 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Chiều dài bờ bao hiện có — 47 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Chiều dài bờ bao hiện có — 2973 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Chiều dài bờ bao hiện có — 343 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Chiều dài bờ bao hiện có — 91 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Chiều dài bờ bao hiện có — 46 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Chiều dài bờ bao hiện có — 468 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Chiều dài bờ bao hiện có — 76825 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Chiều dài đường ống hiện có — 1189 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Chiều dài đường ống hiện có — 14 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Chiều dài đường ống hiện có — 130 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Chiều dài đường ống hiện có — 172 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Chiều dài đường ống hiện có — 10 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Chiều dài đường ống hiện có — 23 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Chiều dài đường ống hiện có — 1832 km
Kỳ dữ liệu: Hiện trạng; thời kỳ số liệu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 557974 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 142296 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 33742 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 27345 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 893498 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 314819 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 39263 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 53390 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 644602 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 111761 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 14382 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 19022 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 494541 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 93243 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 53874 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 100893 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 188677 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 93061 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 39844 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 346628 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 118841 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 27130 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 39189 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 101373 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tưới lúa từ công trình thủy lợi — 3803108 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tưới rau màu từ công trình thủy lợi — 283150 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tưới cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 379663 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tưới cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 303245 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 145483 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 29975 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 3031 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 181 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Miền núi phía Bắc

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 849830 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 288953 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 39685 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 48183 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Hồng

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 281539 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 70237 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 18410 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 7687 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Bắc Trung Bộ

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 214755 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 65118 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 49058 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 113414 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Nam Trung Bộ

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 10557 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 18319 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 8300 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 4956 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Tây Nguyên

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 27643 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 9720 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 4883 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 21645 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đông Nam Bộ

Diện tích tiêu lúa từ công trình thủy lợi — 3135555 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tiêu rau màu từ công trình thủy lợi — 282523 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tiêu cây công nghiệp hàng năm từ công trình thủy lợi — 389511 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

Diện tích tiêu cây lâu năm từ công trình thủy lợi — 263831 ha
Kỳ dữ liệu: Hàng năm; năm tham chiếu không công bố · Địa bàn: Đồng bằng sông Cửu Long

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: 2026.10.07
Cập nhật: 2026-10-07
Giấy phép: Không ghi nhận

Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường — Dữ liệu tổng hợp và tra cứu công trình thủy lợi
https://thuyloivietnam.gov.vn/du-lieu-tlvn?id=826

Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn — Công bố Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050
https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/cong-bo-quy-hoach-phong-chong-thien-tai-va-thuy-loi-thoi-ky-2021-2030-tam-nhin-den-nam-2050.aspx

Báo Nhân Dân — Bài 2: Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các công trình
https://nhandan.vn/bai-2-dau-tu-nang-cap-hien-dai-hoa-cac-cong-trinh-post896750.html

Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Môi trường — Hệ thống thông tin Thủy lợi Việt Nam (VN-WIS), Số liệu tổng hợp
https://thuyloivietnam.gov.vn/

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn — Quy hoạch tổng thể thủy lợi
https://quyhoachquocgia.mpi.gov.vn/File/QHThoiKy/792.pdf

Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường — Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực thủy lợi và nguồn nước giữa Việt Nam và Senegal
https://dwrm.mae.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?ItemID=15563